

**MODULE THPT**

**26**

**NGHIÊN CỨU  
KHOA HỌC SƯ PHẠM  
ỨNG DỤNG TRONG  
TRƯỜNG THPT**

**BÀI THU HOẠCH**

**BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN GIÁO VIÊN**

**Module THPT26: Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong trường THPT**

**Năm học:.....**

**Họ và tên:.....**

**Đơn vị:.....**

**1. Lợi ích của nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng đối với giáo viên trung học**

Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng khi được thực hiện theo đúng quy trình khoa học sẽ mang lại nhiều lợi ích:

- + Phát triển tư duy của giáo viên trung học một cách hệ thống theo hướng giải quyết vấn đề mang tính nghề nghiệp, phù hợp với đối tượng học sinh và bối cảnh thực tế địa phương.
- + Tăng cường năng lực giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định về chuyên môn, sư phạm một cách chính xác.
- + Khuyến khích giáo viên nhìn lại quá trình và tự đánh giá quá trình dạy và học/giáo dục học sinh của mình.
- + Tác động trực tiếp đến việc dạy và học, giáo dục và công tác quản lí giáo dục tại cơ sở.
- + Tăng cường khả năng phát triển chuyên môn, nghề nghiệp của giáo viên trung học.
- + Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng là công việc thường xuyên, liên tục của giáo viên

**2. Khung nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng**

Quy trình nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng được xây dựng dưới dạng một khung gồm bảy bước như sau:

<b>Bước</b>	<b>Hoạt động</b>
1. Hiện trạng	- Giáo viên – người nghiên cứu tìm ra những hạn chế của hiện trạng trong việc dạy - học, quản lí giáo dục và các hoạt động khác trong nhà trường. -Xác định các nguyên nhân gây ra hạn chế đó, lựa chọn một nguyên nhân mà mình muốn thay đổi.
2. Giải pháp thay thế	- GV – người nghiên cứu suy nghĩ về các giải pháp thay thế cho giải pháp hiện tại và liên hệ với các ví dụ đã được thực hiện thành công có thể áp dụng vào tình huống hiện tại
3. Vấn đề nghiên cứu	- GV – người nghiên cứu xác định các vấn đề cần nghiên cứu (dưới dạng câu hỏi) và nêu các giả thuyết.
4. Thiết kế	- GV – người nghiên cứu lựa chọn thiết kế phù hợp để thu thập dữ liệu đáng tin cậy và có giá trị. Thiết kế bao gồm việc xác định nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, quy mô nhóm và thời gian thu thập dữ liệu.
5. Đo lường	- GV – người nghiên cứu xây dựng công cụ đo lường và thu thập dữ liệu theo thiết kế nghiên cứu.
6. Phân tích	- GV - người nghiên cứu phân tích các dữ liệu thu được và giải thích để trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Giai đoạn này có thể sử dụng các công cụ thống kê.
7. Kết quả	- GV - người nghiên cứu đưa ra câu trả lời cho câu hỏi nghiên cứu, đưa ra các kết luận và khuyến nghị.

### **3. Cách tiến hành nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng:**

#### **Bước 1: XÁC ĐỊNH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**

Để xác định được đề tài nghiên cứu cần thực hiện các thứ tự sau:

1- Trình bày hiện trạng (thực trạng) bản thân quan tâm.

2- Nêu các nguyên nhân gây ra hiện trạng (thực trạng).

3- Chọn một hoặc vài nguyên nhân bản thân thấy cần tác động để tạo sự chuyển biến.

4- Đưa ra các giải pháp tác động (tham khảo tài liệu, kinh nghiệm của đồng nghiệp, sáng tạo của bản thân ....)

5- Xây dựng giả thuyết: Trả lời câu hỏi: Có kết quả (hiệu quả) hay không? Có thay đổi hay không?

Nếu trả lời có kết quả (có hiệu quả) đó là giả thuyết có định hướng.

Nếu chỉ làm thay đổi (biến đổi, khác biệt...) đó là giả thuyết không định hướng.

Chú ý vấn đề này để sau này sử dụng *công thức kiểm chứng*.

6- Đặt tên cho đề tài. Khi đặt tên cho đề tài phải thể hiện được:

+ Mục tiêu đề tài

+ Đối tượng nghiên cứu

+ Phạm vi nghiên cứu

+ Biện pháp tác động

+ Mục tiêu: “Nâng cao hứng thú cho học sinh”

+ Đối tượng nghiên cứu: Tâm lý của HS

+ Phạm vi: Khối.. thuộc trường ...

+ Biện pháp tác động: “bằng biện pháp ...”

**Bước 2: LỰA CHỌN THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU (CHỌN CÁCH THỰC HIỆN)**

Có 5 mẫu thiết kế nghiên cứu:

**Bước 3: THU THẬP VÀ ĐO LƯỜNG DỮ LIỆU**

1- *Khái niệm*: Tập hợp sắp xếp các thông tin, số liệu, kết quả cần thiết cho nội dung nghiên cứu theo những thang và mức độ cụ thể.

2- *Các loại dữ liệu*: Trong giáo dục có 3 loại dữ liệu cơ bản

1. *Dữ liệu thuộc về kiến thức*: Loại này có 3 mức cơ bản gồm biết – hiểu – vận dụng

Cách đo và thu thập: Bằng hình thức kiểm tra, thi ở các dạng tự luận hay trắc nghiệm như kiểm tra bình thường trong năm học. Người nghiên cứu ra các đề kiểm tra theo các dạng trên rồi chấm, đánh giá theo thang điểm do mình qui định hoặc đánh giá theo trình độ: kém, yếu, trung bình, khá, giỏi ... Sau đó thống kê theo kết quả đã dự định.

2. *Dữ liệu thuộc về kỹ năng hoặc hành vi*: Loại này thông thường phân theo các mức độ: Sự thuần thục, thói quen, kỹ năng, kỹ xảo ....

Cách đo và thu thập: Có 2 cách

Cách 1 “Thang xếp hạng”: Người nghiên cứu căn cứ nội dung, yêu cầu của đề tài mà lập bảng hỏi theo các cấp độ của nội dung nghiên cứu để đối tượng trả lời. Mỗi cấp độ lại chia thành 4 -5 mức độ và gán cho nó một điểm số cụ thể để thống kê xác định mức độ giá trị, tính chính xác, độ tin cậy ... (chú ý câu hỏi thang đo phải đi vào chi tiết thể hiện hành vi và kỹ năng của từng mức độ về hành vi, kỹ năng của đề tài)

Cách 2 “Lập bảng kiểm quan sát”: Đây là cách thu thập bằng cách quan sát có chủ đích. Người nghiên cứu lập thang mức độ về hành vi, kỹ năng của vấn đề nghiên cứu để qui thành điểm cho mỗi cấp độ, mức độ.

Mỗi hành vi của mỗi học sinh được thể hiện ở buổi quan sát được ghi lại tỷ mỉ về hình thức nội dung và số lần biểu hiện... để thống kê đánh giá.

Có 2 cách quan sát: Quan sát công khai (học sinh được thông báo mục đích và các công cụ hỗ trợ được cho học sinh thấy) và quan sát không công khai (học sinh không được thông báo mục đích và mọi công cụ quan sát như máy quay, ghi chép ... không cho biết).

Lưu ý mỗi cách quan sát có những ưu và nhược khác nhau. Tùy yêu cầu đề tài mà chọn

cách quan sát để thu thập dữ liệu chính xác, khách quan, tin cậy ...

3. *Dữ liệu thuộc về thái độ*: Phương pháp đo và thu thập loại dữ liệu này giống như dữ liệu hành vi, kỹ năng (thành lập bảng hỏi thang xếp hạng – lập bảng kiểm quan sát).

*Những lưu ý khi lập thang đo bảng hỏi:*

- + Cần phân các câu hỏi thành các hạng mục, mỗi hạng mục phải có tên rõ ràng.
- + Trong một hạng mục cần có nhiều cặp câu hỏi để hỏi các hình thức biểu đạt khác nhau, các cặp nên có tính tương đương.
- + Câu hỏi phải rõ ràng, chỉ diễn đạt một ý niệm, khái niệm, từ ngữ đơn giản dễ hiểu; không dùng câu đa mệnh đề hay khái niệm ghép, không rõ ràng.
- + Cần đưa câu hỏi đầy đủ các cấp độ, mức độ.
- + Khi lập xong phải tham khảo ý kiến chuyên môn hay chuyên gia và cho làm thử trước khi triển khai trên thực tế. Nhóm thử nghiệm phải tương đương với đối tượng nghiên cứu.
- + Có thể sử dụng bảng hỏi của người khác, nhưng phải trích dẫn rõ ràng không thay đổi, muốn thay đổi phải xin phép. Nói tóm lại phải tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

3- *Kiểm chứng thông tin thu thập được*

Các thông tin thu thập muốn sử dụng được cần phải xác định tính tin cậy và tính giá trị. Có những thông tin rất sơ lược nhưng độ giá trị rất cao, có những thông tin thu thập rất phong phú và nhiều nhưng độ tin cậy không có. Nếu sử dụng các thông tin đó thì các kết luận rút ra sẽ không đúng, không có tác dụng thậm chí phản tác dụng. Vì thế khi thu thập được thông tin chúng ta cần xử lý nghĩa là xác định xem các thông tin đó có độ tin cậy và giá trị như thế nào.

1. Khái niệm độ tin cậy, độ giá trị và mối quan hệ của chúng:

Độ tin cậy: Là tính nhất quán, sự thống nhất, tính ổn định của các dữ liệu giữa các lần đo, thu thập.

Độ giá trị: Là tính xác thực, phản ánh trung thực về kiến thức, hành vi, kỹ năng và thái độ của đối tượng nghiên cứu

Mối quan hệ: Độ tin cậy và giá trị thể hiện tính chất lượng của dữ liệu chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Mối quan hệ này có thể được minh họa bằng ví dụ bên dưới sau:

2. Kiểm chứng độ tin cậy: Có 3 cách

#### *Bước 4: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU*

*1- Vai trò ý nghĩa của phân tích dữ liệu:*

Dữ liệu thu thập được cần phải được phân tích, đánh giá và xử lý mới có tác dụng và ý nghĩa đối với hoạt động nghiên cứu. Nhờ phân tích dữ liệu chúng ta mới thấy được thông điệp mà dữ liệu đem lại và qua đó mới có những biện pháp, giải pháp đúng cho nội dung nghiên cứu.

*2- Các cách phân tích dữ liệu:*

*1. Mô tả dữ liệu:* Là chỉ ra những thông tin cơ bản mà dữ liệu thu thập được muốn nói lên. Thông thường có 4 tham số cho ta biết điều mà dữ liệu chỉ ra thông tin cơ bản nhất, đó là: Mốt (mode), trung vị (median), giá trị trung bình (average) và độ lệch chuẩn (stdev). Như vậy mô tả dữ liệu sẽ cho ta biết độ tin cậy và giá trị của thông tin ta thu thập được về các vấn đề của nội dung nghiên cứu.

*2. So sánh dữ liệu:* Phép phân tích này giúp ta trả lời các câu hỏi:

+ Kết quả của 2 nhóm (nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng) có khác nhau không?

+ Sự khác nhau đó có ý nghĩa hay không?

+ Mức độ ảnh hưởng và tác động của kết quả thực nghiệm ở mức nào?

Có 4 cách so sánh, đánh giá dữ liệu. Sau đây ta khảo sát cách làm của từng cách và điều kiện sử dụng của mỗi cách.

#### *2. Phương pháp dùng biểu đồ phân tán*